

Thứ hai, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/7/2021		•	
Tuần 26/7-30/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng lực cầu gia tăng từ giữa phiên chiều đã giúp chỉ số đóng cửa với mức tăng nhẹ. Dòng tiền đầu tư cải thiện trở lại với 11/19 nhóm ngành tăng điểm mặc dù khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái cân bằng với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ chủ yếu dao động tích lũy ngắn hạn tại khu vực 1270-1290 trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: GVR_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.88** điểm, đóng cửa **1272.71**. HNX-Index **+1.11** điểm, đóng cửa **302.88**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.05); GVR (+1.43); VIC (+1.08); FPT (+0.77); VNM (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.95); VIB (-0.65); MBB (-0.54); CTG (-0.38); HPG (-0.36)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,205** tỷ đồng, **-22.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,137 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 22.76 điểm. Thị trường có **190** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **182** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-70.97** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (-117.4 tỷ), KDH (-100.5 tỷ) và VIC (-37.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.47** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1272.71**
Giá trị: 14205.09 tỷ **3.88 (0.31%)**
Khối ngoại (ròng): -70.97 tỷ

HNX-INDEX **302.88**
Giá trị: 2908.73 tỷ **1.11 (0.37%)**
Khối ngoại (ròng): -7.47 tỷ

UPCOM-INDEX **83.87**
Giá trị: 695.9 tỷ **-0.5 (-0.59%)**
Khối ngoại(ròng): 15.52 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	71.0	-1.47%
Giá vàng	1,810	0.41%
Tỷ giá USD/VND	23,012	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,109	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	20,867	0.25%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	4.74%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSB	137.1	MBB	-117.4
NVL	79.9	KDH	-100.5
VHM	70.4	VIC	-37.3
DGC	33.6	STB	-27.4
DGW	16.4	SSI	-26.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.89	-0.03%	0.50%	-0.20%	66.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.78	-0.01%	0.30%	-1.00%	59.04%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	226.79	-0.23%	0.60%	1.70%	71.67%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1807.01	0.00%	-0.30%	1.60%	-10.51%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.43	0.00%	-0.90%	-1.80%	-2.21%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1359.00	-0.24%	-2.40%	4.40%	51.67%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	688.00	-0.61%	-0.60%	5.00%	23.91%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.04	1.31%	-1.60%	-4.00%	1.73%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	190.68	0.21%	-1.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.62	-0.28%	1.70%	3.20%	44.78%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	193.65	10.03%	23.30%	25.70%	67.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9441.50	1.01%	-0.50%	1.50%	44.27%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	875.64	2.11%	2.70%	15.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	922.31	1.65%	0.70%	16.20%			
Nhôm	USD/ton	2483.00	1.20%	-1.40%	2.40%	45.97%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	173.94	-1.87%	-9.40%	-2.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	146.70	-2.65%	-0.30%	21.50%	116.05%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 1.56 USD hay 2.2% lên 73.79 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 9/2021 dầu thô WTI tăng 1.61 USD hay 2.3% lên 71.91 USD/thùng.
- OPEC+ trong tuần này đã đồng ý một thỏa thuận tăng sản lượng dầu mỏ thêm 400.000 thùng/ngày từ đầu tháng 8 tới tháng 12 để hạ nhiệt giá cả và đáp ứng nhu cầu đang tăng. Bộ trưởng Năng lượng Nga cho biết nước này có thể bắt đầu cấm xuất khẩu xăng trong tuần tới nếu giá nhiên liệu trên sàn giao dịch trong nước vẫn ở mức hiện tại, cho thấy dấu hiệu nguồn cung dầu mỏ hạn chế hơn trong tương lai.
- Cơ quan thông tin năng lượng Mỹ cho biết tồn kho dầu thô của nước này bất ngờ tăng 2.1 triệu thùng trong tuần trước, đạt 439.7 triệu thùng, tăng lần đầu tiên kể từ tháng 5. Tuy nhiên, tồn kho tại Cushing, Oklahoma giảm trong 6 tuần liên tiếp và đạt mức thấp nhất kể từ tháng 1/2020 trong tuần trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,804.45 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.1% lên 1,805.4 USD/ounce.
- Ngân hàng trung ương Châu Âu giữ lãi suất ở mức thấp kỷ lục trong thời gian dài hơn.

	26/7	% 26/7	23/7	% 23/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1272.71	0.31%	1268.83	-1.92%	2.35%	-7.76%
S&P 500			4411.79	1.01%	1.96%	3.89%
HĐTL S&P500	4382.50	-0.47%	4403.10	1.00%	3.09%	3.57%
Shang- hai	3467.44	-2.34%	3550.40	-0.68%	-2.03%	-2.78%
Euro Stoxx	4077.41	-0.77%	4109.10	1.23%	3.79%	-1.09%

Phân tích kỹ thuật
GVR_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng hồi phục

Nhận định: GVR đang hình thành xu hướng hồi phục từ vùng đáy 29.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm tại ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD đang dần chuyển hướng sang tích cực trong khi chỉ báo RSI đang báo hiệu nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu nằm dưới trên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 32.5 và chốt lời khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 37.5. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 30.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

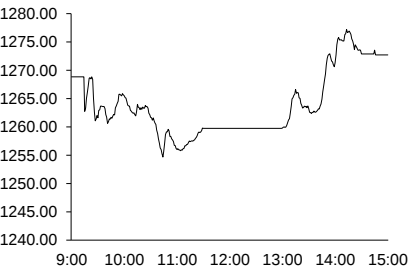
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	1.05%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	-0.31%
Bảo hiểm	-0.43%
Hóa chất	-0.59%
Thực phẩm và đồ uống	-0.69%
Y tế	-0.83%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.96%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.97%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.11%
Du lịch và Giải trí	-1.18%
Ô tô và phụ tùng	-1.69%
Bán lẻ	-1.84%
Truyền thông	-1.87%
Dầu khí	-1.88%
Bất động sản	-2.14%
Dịch vụ tài chính	-2.44%
Ngân hàng	-2.50%
Tài nguyên Cơ bản	-2.63%

Hình 1

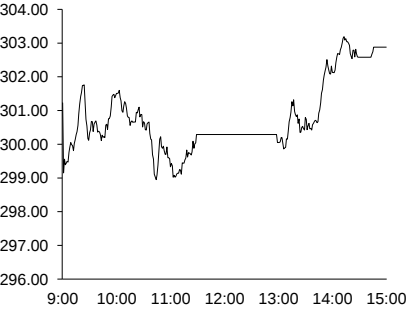
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	28.2	3	2.92%	Có thể tiếp tục mua
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	32.95	4	0.92%	Có thể tiếp tục mua
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	31.2	5	4.70%	Có thể tiếp tục mua
19/7/21	CTR	75	85	69.3	80	7	6.67%	Có thể tiếp tục mua
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	90.5	10	0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/7/21	ACB	32.75	38	30	32.7	11	-0.15%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
14/7/21	ACV	75	84	72	73.1	12	-2.53%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
13/7/21	KBC	32.5	40	30	32.5	13	0.00%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
9/7/21	ITD	18	20.25	15.25	16.4	17	-8.89%	Cân nhắc cắt lỗ sớm
7/7/21	MWG	165.8	196	154.5	160.3	19	-3.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/7/21	LHG	45.4	55.5	41.35	51	20	12.33%	Có thể tiếp tục mua
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	25.2	56	-8.70%	Cân nhắc cắt lỗ sớm
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

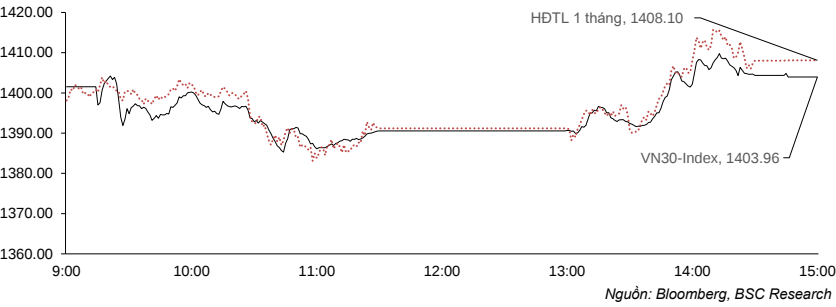
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2021	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/29/2021	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	5	3.98%	-4.72%	0.36%	15
Cổ phiếu đã chốt	162	109	13.65%	-7.87%	4.99%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1408.10	0.51%	4.14	-7.3%	314,381	19/08/2021	26
VN30F2109	1407.00	0.46%	3.04	32.9%	630	16/09/2021	54
VN30F2112	1408.90	0.51%	4.94	211.4%	109	16/12/2021	145
VN30F2203	1418.80	1.34%	14.84	-25.2%	77	17/03/2022	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.43 điểm lên 1403.96 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, FPT, VNM, VHM, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm trong phiên sáng xuống quanh 1385 điểm, trước khi phục hồi tích cực trong phiên chiều lên quanh 1405 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2108 và VN30F2203 đang giảm, trong khi VN30f2109 và VN30F2112 đang tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2108 và VN30F2203 đang giảm, trong khi VN30f2109 và VN30F2112 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2002	16/08/2021	21	4:1	187,000	33.38%	1,600	4,150	5.60%	2,973	1.40	30,666	24,848	39,150
CPDR2101	27/09/2021	63	5:1	582,600	37.68%	1,100	2,880	3.60%	1,010	2.85	94,388	88,888	90,500
CPDR2102	27/09/2021	63	5:1	177,200	37.68%	1,100	3,730	3.32%	1,352	2.76	94,499	88,999	90,500
CKDH2102	13/08/2021	18	2:1	85,000	33.38%	2,800	6,120	0.33%	4,062	1.51	33,364	28,273	39,150
CSTB2103	09/08/2021	14	2:1	338,900	46.07%	1,400	5,440	-0.73%	5,366	1.01	20,800	18,000	28,700
CTCB2101	05/10/2021	71	1:1	31,300	40.41%	5,000	22,700	-2.16%	18,295	1.24	36,000	31,000	49,000
CTCB2012	30/07/2021	4	1:1	38,600	40.41%	5,400	27,330	-2.25%	27,011	1.01	27,400	22,000	49,000
CMWG2104	22/03/2022	239	10:1	102,000	33.93%	2,400	6,150	-2.38%	3,472	1.77	159,000	135,000	160,300
CSTB2104	27/08/2021	32	1:1	35,100	46.07%	4,000	8,150	-2.98%	5,961	1.37	26,900	22,900	28,700
CTCB2103	09/08/2021	14	2:1	153,100	40.41%	2,900	6,930	-4.55%	6,782	1.02	41,300	35,500	49,000
CHPG2106	27/08/2021	32	2:1	117,200	39.44%	4,100	8,800	-4.97%	342	25.71	42,937	36,908	45,600
CHPG2105	09/08/2021	14	2:1	152,200	39.44%	3,000	10,200	-5.99%	1,957	5.21	48,000	42,000	45,600
CVPB2015	30/07/2021	4	1:1	8,900	39.86%	5,600	31,050	-8.08%	30,714	1.01	31,600	26,000	56,700
CMWG2102	02/08/2021	7	5:1	194,900	33.93%	3,000	7,570	-8.24%	8,082	0.94	135,000	120,000	160,300
CHPG2107	12/08/2021	17	5:1	248,700	39.44%	1,300	2,240	-8.94%	0	8,615.38	48,463	43,684	45,600
CMWG2105	27/08/2021	32	8:1	67,200	33.93%	2,950	4,370	-8.96%	3,683	1.19	155,100	131,500	160,300
CHPG2108	12/08/2021	17	5:1	445,100	39.44%	1,200	2,180	-9.17%	0	9,083.33	48,124	43,713	45,600
CTCB2104	27/08/2021	32	2:1	51,100	40.41%	2,000	6,200	-9.62%	2,172	2.85	49,800	45,800	49,000
CVPB2103	09/08/2021	14	2:1	871,600	39.86%	2,700	10,250	-10.71%	10,133	1.01	41,900	36,500	56,700
CVPB2104	27/08/2021	32	3:1	218,600	39.86%	2,500	5,710	-13.48%	2,734	2.09	56,500	49,000	56,700
Tổng				3,919,300	38.99%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm.

• CTCH2101 và CVPB2104 giảm mạnh lần lượt là -24.37% và -13.48%. Giá trị giao dịch giảm -5.54%. CVPB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 31.70% thị trường.

• CMWG2102, CVPB2103, CSTB2103, CTCB2012, và CVPB2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	160.3	-0.9%	0.9	3,313	7.9	9,051	17.7	4.4	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	90.7	-0.3%	0.9	897	2.1	5,816	15.6	3.6	49.0%	25.4%	
BVH	Bảo hiểm	50.6	0.4%	1.5	1,633	1.1	2,548	19.9	1.8	26.8%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	37.5	0.8%	0.5	364	0.0	3,495	10.7	1.1	53.0%	10.9%	
VIC	Bất động sản	104.2	0.2%	0.7	15,324	8.8	2,174	47.9	4.4	15.8%	9.0%	
VRE	Bất động sản	26.8	-0.9%	1.1	2,643	3.6	1,175	22.8	2.0	30.6%	9.3%	
VHM	Bất động sản	109.6	1.9%	1.0	15,675	13.0	7,874	13.9	4.0	23.2%	33.6%	
DXG	Bất động sản	21.1	1.9%	1.3	475	2.7	(61)		1.6	28.7%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	50.8	0.4%	1.5	1,447	21.4	2,776	18.3	2.9	48.7%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	46.0	-3.0%	1.0	666	8.8	3,459	13.3	2.9	20.8%	25.4%	
HCM	Chứng khoán	44.7	-1.2%	1.6	593	8.1	2,899	15.4	2.8	47.7%	19.4%	
FPT	Công nghệ	93.7	3.5%	0.9	3,697	23.1	4,103	22.8	5.1	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	79.9	2.6%	0.4	1,141	0.3	4,304	18.6	5.6	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	88.3	0.3%	1.3	7,348	2.3	4,077	21.7	3.6	2.8%	16.2%	
PLX	Dầu khí	49.9	-0.6%	1.5	2,699	2.3	2,915	17.1	2.6	17.3%	16.8%	
PVS	Dầu khí	23.6	1.7%	1.7	490	6.4	1,375	17.2	0.9	7.7%	5.4%	
BSR	Dầu khí	17.6	2.3%	0.8	2,373	6.1	(909)	N/A	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.9	2.3%	0.4	539	0.1	5,761	16.5	3.6	54.6%	22.8%	
DPM	Hóa chất	23.0	4.1%	0.8	390	2.3	1,928	11.9	1.1	14.0%	9.4%	
DCM	Hóa chất	19.0	3.0%	0.7	436	4.1	1,122	16.9	1.6	2.4%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	96.0	-1.0%	1.1	15,481	5.3	5,709	16.8	3.5	23.6%	22.8%	
BID	Ngân hàng	40.0	-0.5%	1.3	6,995	2.5	2,048	19.5	2.0	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	32.2	-1.1%	1.3	6,718	14.2	3,692	8.7	1.7	24.5%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	56.7	-3.1%	1.2	6,051	23.2	5,052	11.2	2.3	15.4%	23.0%	
MBB	Ngân hàng	27.2	-2.0%	1.2	4,468	18.9	2,764	9.8	1.9	21.8%	21.5%	
ACB	Ngân hàng	32.7	-0.9%	1.0	3,841	10.7	3,194	10.2	2.3	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	56.8	0.7%	0.7	202	0.1	6,160	9.2	1.9	83.4%	20.3%	
NTP	Nhựa	51.8	0.2%	0.4	265	0.0	4,085	12.7	2.2	19.3%	18.3%	
MSR	Tài nguyên	19.4	0.0%	0.7	927	0.1	39	497.4	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	45.6	-0.4%	1.1	8,868	46.3	4,056	11.2	3.1	26.7%	31.3%	
HSG	Thép	34.4	-1.6%	1.4	731	18.0	4,914	7.0	2.1	10.3%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	88.9	1.5%	0.6	8,078	10.8	4,682	19.0	5.9	55.1%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	153.5	-0.1%	0.8	4,280	0.6	7,561	20.3	5.0	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	121.1	1.8%	0.9	6,216	6.5	1,281	94.5	8.8	33.3%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	18.5	1.9%	1.2	496	1.6	1,131	16.4	1.4	8.9%	8.7%	
ACV	Vận tải	73.0	0.0%	0.8	6,909	0.2	577	126.5	4.2	3.6%	3.4%	
VJC	Vận tải	114.0	0.5%	1.1	2,685	3.0	2,256		4.1	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	24.1	-1.8%	1.7	1,483	0.7	(9,327)		23.7	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	44.8	5.4%	0.9	587	10.8	1,246	36.0	2.2	41.8%	6.2%	
PVT	Vận tải	17.9	1.7%	1.3	252	1.3	2,281	7.8	1.2	15.4%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	118.2	2.1%	0.9	822	4.9	8,479	13.9	4.5	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	29.8	-0.3%	0.4	580	0.1	1,604	18.5	2.0	5.7%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.0%	0.9	249	0.2	1,651	9.1	1.0	2.9%	11.3%	
CTD	Xây dựng	59.5	-0.8%	1.0	191	0.2	3,352	17.8	0.5	43.9%	3.0%	
CII	Xây dựng	16.2	0.0%	0.5	168	0.9	56	291.2	0.8	22.2%	0.2%	
REE	Điện	52.0	1.0%	-1.4	699	0.8	5,770	9.0	1.4	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	25.2	1.2%	-0.4	209	0.3	2,371	10.6	1.2	10.0%	13.2%	
POW	Điện	10.5	0.0%	0.6	1,069	1.8	1,037	10.1	0.9	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	18.5	0.5%	0.5	232	0.7	1,093	16.9	1.3	14.9%	7.3%	
KBC	Khu công nghiệp	32.5	1.2%	1.1	664	8.2	1,639	19.8	1.5	19.5%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	41.0	-2%	0.9	1,845	0.1			2.6	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	109.60	1.86	1.81	2.75MLN
NVL	107.50	4.37	1.78	3.54MLN
GVR	32.50	4.84	1.62	5.02MLN
FPT	93.70	3.54	0.78	5.77MLN
VNM	88.90	1.48	0.73	2.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-1.19	9.34MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.00	1.26MLN	607060
VIB	0.00	-0.67	1.71MLN	373600
TCB	0.00	-0.47	14.42MLN	192700
MBB	0.00	-0.42	16.00MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	6.42	7.00	0.01	113100.00
PGI	23.80	6.97	0.04	58700
CMG	38.40	6.96	0.07	255100
FRT	36.15	6.95	0.05	5.47MLN
MDG	13.10	6.94	0.00	300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	12.00	-6.61	0.00	10800
TVT	22.50	-6.25	-0.01	5600
HU3	7.60	-6.17	0.00	7000.00
CCI	18.00	-5.51	-0.01	3600
ITD	16.40	-5.48	-0.01	353800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	206.50	0.29	0.22	522000.00
NVB	17.40	1.75	0.17	3.01MLN
VC3	21.00	9.95	0.16	197400
SHN	16.70	5.70	0.14	156400.00
PVS	23.60	1.72	0.13	6.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXS	27.50	-3.51	-0.22	478600
KHG	17.20	-9.95	-0.14	83400
MBS	27.20	-3.89	-0.08	3.82MLN
TVC	13.50	-4.93	-0.06	799900
DL1	6.70	-9.46	-0.04	500700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

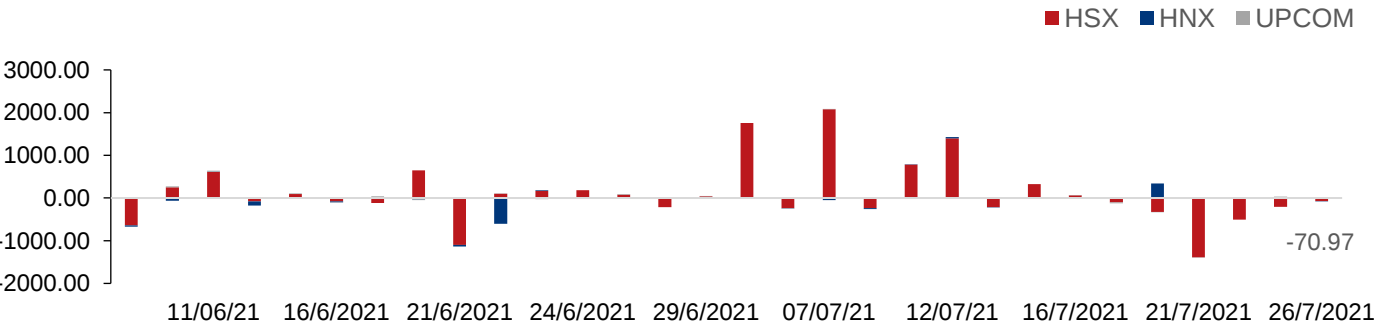
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM7	4.40	10.0	0.00	6300
VNT	50.70	10.0	0.01	100
VC3	21.00	10.0	0.16	197400
KHS	22.20	9.9	0.01	2000
NFC	11.40	9.6	0.01	1000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KHG	17.20	-9.95	-0.14	83400
PIC	10.20	-9.73	-0.01	200
L35	4.70	-9.62	0.00	6500
DL1	6.70	-9.46	-0.04	500700
VMS	9.80	-9.26	-0.01	4100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.7	3,194	10.2	2.3	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.0	577	126.5	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.6	600	14.3	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.6	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.4	3,834	7.9	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.2	3,692	8.7	1.7	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.0	1122.1	16.9	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	96.5	5,868	16.4	3.7	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	146.3	9,205	15.9	4.6	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	23.0	1,928	11.9	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.6	2,869	10.3	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	21.1	-61		1.6	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	93.7	4,103	22.8	5.1	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	32.5	1,091	29.8	2.7	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	54.1	7,082	7.6	2.5	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.6	4,056	11.2	3.1	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	34.4	4,914	7.0	2.1	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.0	1,651	9.1	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.1	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.5	1,639	19.8	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	39.2	1,946	20.1	2.9	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.9			1.8	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.0	3,258	11.0	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	63.2	5,257	12.0	2.2	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	121.1	1,281	94.5	8.8	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	160.3	9,051	17.7	4.4	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	42.1	3,925	10.7	1.9	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.0	2,120	11.8	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	90.7	5,816	15.6	3.6	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.5	1,037	10.1	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	17.4	0	113.4	0.5	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.6	1,375	17.2	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	153.5	7,561	20.3	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.5	1,131	16.4	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	43.5	15775.2	2.8	1.2	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.0	4,613	10.6	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.0	5,709	16.8	3.5	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.6	4,166	10.0	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	15.8	570	27.7	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	41.2	4,038	10.2	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	109.6	7,874	13.9	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	88.9	4,682	19.0	5.9	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	56.7	5,052	11.2	2.3	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.8	1,175	22.8	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	84.5	3,256	26.0	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639